

Bản án số: 48/2024/HS-ST

Ngày: 11/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng;

Bà Giáp Thị Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà:
Bà Trần Lệ Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại phòng xét xử trực tuyến Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-HS ngày 27/6/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Trọng T, sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Quê quán và nơi thường trú: Số nhà B, đường T, tổ F, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Đang chấp hành án tại Phân trại số C, Trại giam N1, Cục C, Bộ C1; Trình độ văn hóa: 12/12;

Con ông Phan Trọng H, sinh năm 1964 và bà Trần Lệ H1, sinh năm 1968, có vợ Bùi Thị T1, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án số 39 ngày 05/4/2022 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 7 năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/10/2021.

Nhân thân: Ngày 19/9/2012 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Bắc Giang khởi tố về tội Cố ý gây thương tích; Ngày 25/10/2012, Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Bắc Giang ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án số 12; Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 22 đối với bị can do bị hại rút yêu cầu khởi tố.

Bị cáo bị bắt truy nã vào ngày 30/01/2024. Hiện đang trích xuất tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1997, (có mặt).

Địa chỉ: Số D, đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Bạch Trung H3, sinh năm 1998, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H, ngõ B, N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Bùi Thị T1, sinh năm 1993, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H, Y, T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Dương Quang N, sinh năm 1992, (vắng mặt).

Địa chỉ: K, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Trọng T là phạm nhân đang chấp hành án tại Đội 38, Phân trại số C, Trại giam N1, Cục C, Bộ C1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Trong thời gian chấp hành án, T được phân công quét dọn vệ sinh khu vực đường từ cổng vào khu giam giữ của Phân trại số 3, Trại giam N1 tại xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Buổi sáng ngày 12/01/2024, khi T đang làm nhiệm vụ quét dọn tại khu vực cổng Phân trại số 3 thì thấy bạn là Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1997, trú tại số D, đường Q, phường T, thành phố B đi xe máy qua đường tỉnh lộ 298. T gọi H2 lại và nói chuyện với H2. T nhờ H2 mua hộ một chiếc điện thoại di động để T liên lạc với mọi người, H2 đồng ý. T dặn H2 đầu giờ buổi sáng ngày 13/01/2024 thì mang điện thoại đến để vào thùng rác tại khu nhà để xe của khách thăm gặp phạm nhân rồi sẽ đến lấy. Khoảng 08 giờ ngày 13/01/2024, H2 mang điện thoại đến Phân trại số 3, Trại giam N1. H2 thấy T đang quét dọn gần đó nên H2 đặt chiếc điện thoại vào thùng rác như lời chỉ dẫn của T rồi đi về. Sau khi thấy H2 để điện thoại vào thùng rác, T đến lấy điện thoại rồi cất giấu tại gốc cây gần trạm bơm nước trong khuôn viên của T2, mục đích để sử dụng trong thời gian lao động.

Trong quá trình chấp hành án, T phát hiện khu vực Trại giam tiếp giáp với sườn bờ sông không có tường rào bảo vệ, khu vực lao động của phạm nhân Đội 38 rộng nhưng chỉ có một cán bộ Cảnh sát bảo vệ và một cán bộ quản giáo quản lý nên T đã nảy sinh ý định trốn khỏi nơi cải tạo. Ngày 20/01/2024, T đã sử dụng điện thoại H2 mang cho trước đó gọi cho H2 nhờ mua một số đồ dùng và hẹn H2 mang đến cổng phân trại để T ra lấy vào 13 giờ 30 ngày 21/01/2024. Đồng thời, T gọi cho chị Bùi Thị T1 là vợ của T nhưng đã ly hôn bảo chị T1 chuyển tiền cho H2 để H2 mua đồ tiếp tế cho T. Trưa ngày 20/01/2024, chị T1 đã chuyển 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) vào tài khoản của H2. Ngoài ra, T còn gọi điện cho Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1991, trú tại số nhà A, đường T, phường T, thành phố B đặt xe taxi đi huyện M, tỉnh Sơn La. Do T3 có việc bận nên T3 bảo anh Dương Quang N, sinh năm 1992, trú tại bản Khe Ngọn, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đưa T đi tỉnh Sơn La và cho N số điện thoại của T.

Sau khi đã nhờ H2 mua đồ và đặt xe, khoảng 13 giờ ngày 21/01/2024, sau khi được anh Trọng Văn T4, cán bộ quản giáo dẫn đến khu vực lao động như mọi ngày, T đến khu vực thay đồ, cởi bộ quần áo đồng phục phạm nhân, mặc quần nỉ dài màu đen, áo nỉ dài tay màu trắng, cầm theo đôi dép đi ra khu vực trạm bơm nước. Sau khi quan sát xung quanh không có ai, T trèo qua tường bao đi ra khu vực gốc cây nơi T cất giấu điện thoại để lấy điện thoại sử dụng. Lúc này là khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày giờ, T đã gọi cho Tùng B và biết là anh N đã đến khu vực Cầu Đ, xã N theo như lịch đặt xe từ trước, T gọi điện bảo H2 chờ ở khu vực ngoài cổng Phân trại số 3, Trại giam N1. Sau đó, T đi xuống sườn bờ sông, vứt bỏ đôi dép tổ ong, đi đôi dép cầm theo rồi đi men theo sườn bờ sông ra đường tỉnh lộ 298. Lúc này, H2 mang theo đồ dùng T dặn chuẩn bị và tiền mặt khoảng hơn 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) để trong túi đựng đồ, đỗ xe tại khu vực trước cổng nhà máy gạch của Công ty TNHH T5 chờ T ra lấy đồ. Khi T ra đến nơi, H2 đưa cho T túi đựng đồ và tiền thì T bảo H2 chờ T đến Cầu Đ, xã N. Khi đến đầu Cầu Đ, T xuống xe, đưa cho H2 một thẻ sim bảo H2 đi về, khi cần thì T sẽ gọi vào số thuê bao đó. Sau khi H2 đi về, T gọi điện cho anh N đến đón và bảo anh N đi tỉnh Sơn La. Khi đến huyện M, tỉnh Sơn La, T bảo lái xe đưa T quay về bản L, xã L, huyện V, tỉnh Sơn La. T đi bộ vào nhà dân hỏi đến nhà người đàn ông có tên G khoảng 30 tuổi, lúc này là vào khoảng gần 22 giờ cùng ngày. T khai G là người nhà của phạm nhân Hờ A V, sinh năm 1992, trú tại bản Co Sung, xã Đ, huyện M, tỉnh Sơn La. T ở lại nhà G đến chiều ngày 23/01/2024 thì bắt xe taxi về thành phố B. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T về đến thành phố B và thuê phòng tại nhà nghỉ A thuộc phường X, thành phố B. Ngày 24/01/2024, T đến nhà bạn là Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1994, trú tại phòng 10, tầng E, nhà H, khu tập thể tổ dân phố Đ, phường T, thành phố B ở nhờ nhà Đ. Đến ngày 30/01/2024, T bị cán bộ Trại giam bắt khi đang lẩn trốn tại nhà Đ. Tạm giữ của T: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng và số tiền 45.300.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng*). Cùng ngày, Trại giam N1 ra quyết định đình nã đối với Phan Trọng T.

Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Phan Trọng T về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi “Trốn khỏi nơi giam” của mình, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Trọng T về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với Phan Trọng T.

Xử phạt bị cáo Phan Trọng T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 08 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” và tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 39/2022/HSST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang là 04 năm 03 tháng 05 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung

của hai bản án từ 05 năm 09 tháng 05 ngày đến 05 năm 11 tháng 05 ngày, thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2024.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Trọng T trình bày và tự bào chữa: bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, truy tố bị cáo về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để cải tạo và sớm trở về gia đình và xã hội. Bị cáo đề nghị được nhận lại số tiền 45.300.000 đồng và 01 điện thoại Iphone X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H3, chị T1, anh N vắng mặt nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/01/2024 tại Phân trại số C, Trại giam N1, Cục C, Bộ C1, Phan Trọng T là phạm nhân đang chấp hành án phạt tù đã lợi dụng sơ hở của cán bộ trại giam, lén lút trèo qua tường bao đi ra khu vực gốc cây nơi T cất giấu điện thoại từ trước rồi đi men theo sườn bờ sông ra đường tỉnh lộ 298 bắt xe taxi để bỏ trốn đến bản L, xã L, huyện V, tỉnh Sơn La. Đến ngày 30/01/2024, khi T đang lẩn trốn tại nhà Nguyễn Trọng Đ, tại phòng 10, tầng E, nhà H, khu tập thể tổ dân phố Đ, phường T, thành phố B thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan thi hành án hình sự, nên đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, quá trình cải tạo bị cáo đã được học tập quy chế, quy định tại nơi chấp hành án, bản thân bị cáo nhận thức được hành vi bỏ trốn của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn lén lút, lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của cán bộ quản giáo để trốn thoát. Như vậy, thể hiện bị cáo thiếu ý thức chấp hành kỷ luật, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ trực tiếp ảnh hưởng đến công tác quản lý, giáo dục phạm nhân của trại giam mà còn gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Để phòng ngừa chung và có tác dụng răn đe cần bắt bị cáo cách ly với đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân lương thiện.

[6]. Về tổng hợp hình phạt:

Bị cáo đang chấp hành hình phạt 07 năm tù theo Bản án hình sự số 39/2024/HSST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 06/10/2021, đến ngày 21/01/2024 bị cáo bỏ trốn khỏi nơi giam, theo văn bản số 173/CVTL ngày 02/02/2024 của Trại giam N1 cung cấp trong thời gian chấp hành án bị cáo không được xét giảm thời hạn chấp hành án, tính đến ngày 21/01/2024 bị cáo đã chấp hành được 02 năm 03 tháng 15 ngày. Như vậy, phần hình phạt còn lại của bị cáo chưa chấp hành tính đến ngày phạm tội mới là 04 năm 08 tháng 15 ngày tù. Do đó, sau khi quyết định hình phạt về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Hội đồng xét xử xem xét tổng hợp với phần hình phạt của bản án trước và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Thời hạn chấp hành hình phạt chung được tính từ ngày bị cáo bị bắt lại 30/01/2024.

[7]. Về các tình tiết khác trong vụ án:

Đối với anh Nguyễn Hữu H2: T không trao đổi, không nói cho anh H2 biết ý định trốn khỏi nơi giam của mình. Khi T gọi điện nhờ anh H2 mua hộ đồ dùng và đến quán của Bạch Trung H3 lấy quần áo mang lên cổng Trại giam cho T thì anh H2 không biết thắng trốn trại. Sau khi T ngồi lên xe bảo anh H2 chở đi đến Cầu Đ thì lúc này anh H2 mới biết T trốn trại. Tại thời điểm này, T đã thoát ra khỏi khu vực Trại giam, không còn sự quản lý của cán bộ Trại giam, hành vi trốn khỏi nơi giam của T đã hoàn thành. Do vậy không đủ căn cứ xử lý đối với anh H2 với vai trò đồng phạm giúp sức cho T trốn khỏi nơi giam. Sau khi biết T trốn khỏi nơi giam nhưng anh H2 không tố giác tội phạm. Tuy nhiên, do hành vi phạm tội của T thuộc khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự nên hành vi của anh H2 không cấu thành tội “*Không tố giác tội phạm*” quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Đối với việc chị T1 chuyển tiền cho anh H2 mua đồ cho T, chị T1 không biết việc T trốn trại, sau khi T trốn trại, ngày 25/01/2024, T đã gọi điện cho chị T1 thì chị T1 mới biết, chị T1 có khuyên T ra đầu thú. Lời khai của T cũng thể hiện không nói cho chị T1 biết ý định trốn trại của mình. Do đó, không có căn

cứ xử lý đối với chị T1 với vai trò đồng phạm giúp sức cho T trốn khỏi nơi giam. Sau khi biết T trốn khỏi nơi giam nhưng chị T1 không tố giác tội phạm. Tuy nhiên, do hành vi phạm tội của T thuộc khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự nên hành vi của chị T1 không cấu thành tội “*Không tố giác tội phạm*” quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Nguyễn Trọng Đ cho T ở nhờ tại nơi ở của mình từ ngày 24/01/2024 đến khi bị bắt (ngày 30/01/2024). Tuy nhiên, T không nói cho anh Đ biết việc T trốn trại nên anh Đ không biết. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với anh Nguyễn Trọng Đ.

Đối với anh Dương Quang N: Quá trình đưa T đi đến tỉnh Sơn La, T không nói gì về việc trốn trại nên anh N không biết. Do vậy không có căn cứ xử lý đối với anh N.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen xám, số IMEI: 350255020506570, lắp sim điện thoại số thuê bao 0773.758.562, là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 356742084481263, lắp sim điện thoại số thuê bao 0836801502 và số tiền 45.300.000 đồng là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11]. Về kiến nghị ngăn ngừa tội phạm: Qua việc bỏ trốn khỏi nơi giam của bị cáo, thấy rằng Trại giam N1 và các cán bộ quản giáo trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý phạm nhân cần nâng cao trách nhiệm, tinh thần cảnh giác, đảm bảo chặt chẽ quy trình trông coi phạm nhân. Đồng thời nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong toàn đơn vị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 38; Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Trọng T.

Xử phạt bị cáo Phan Trọng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp với phần hình phạt 04 năm 08 tháng 15 ngày tù mà bị cáo chưa chấp hành tại Bản án hình sự số 39/2024/HSST ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Phan Trọng T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm 02 (hai) tháng 15 (mười năm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt lại 30/01/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen xám, số IMEI: 350255020506570, lắp sim điện thoại số thuê bao 0773.758.562.

Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 356742084481263, lắp sim điện thoại số thuê bao 0836801502 và số tiền 45.300.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND, THADS, Công an huyện;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy